

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3227/GDDĐT-MN
V/v hướng dẫn báo cáo tình hình
GDMN năm học 2015 – 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2015

Kính gửi:

- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện;
- Hiệu trưởng trường Mầm non trực thuộc.

Căn cứ Chỉ thị số 3131/CT-BGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên nghiệp năm học 2015-2016;

Căn cứ Quyết định số 2797/QĐ-BGDĐT ngày 03/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2015-2016 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 4618/BGDĐT- GDMN ngày 08/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Mầm non năm học 2015-2016;

Căn cứ Công văn số 5113/BGDĐT-GDMN ngày 06/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn báo cáo tình hình giáo dục mầm non năm học 2015 – 2016,

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn Phòng Giáo dục và đào tạo các quận, huyện báo cáo năm học 2015 - 2016 như sau:

1. Xây dựng báo cáo và thống kê số liệu theo Đề cương báo cáo và Biểu mẫu kèm theo công văn này (thời điểm báo cáo: đầu năm học số liệu tính đến 30/9/2015; cuối năm học tính đến tháng 5/2016).

2. Thời điểm nộp báo cáo

- Báo cáo đầu năm học: trước ngày 20/10/2015;
- Báo cáo tổng kết triển khai thực hiện Chương trình GDMN: trước ngày 20/10/2015;
- Báo cáo tổng kết năm học: trước ngày 30/5/2016.

3. Hình thức gửi báo cáo

Các Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện gửi báo cáo và biểu thống kê 2 kỳ trong năm học về Phòng Giáo dục Mầm non - Sở Giáo dục và Đào tạo qua hệ thống thông tin:

- Theo đường công văn (có đầy đủ chữ ký, đóng dấu, số công văn theo đúng quy định thể thức văn bản);
- Theo đường thư điện tử: gửi về hộp thư: ltsuong.sgddt@tphcm.gov.vn

4. Một số lưu ý

- Số liệu thống kê tính cả số liệu của các trường mầm non thuộc Ban Phụ nữ Quân đội trên địa bàn và phải lấy số liệu thống nhất với số liệu của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Báo cáo viết ngắn gọn, đủ thông tin, đánh giá kết quả nổi bật đã đạt được của đơn vị (không nhắc lại những kết quả đã đạt của năm học trước); chỉ nêu số liệu có tính chất phân tích và so sánh.

- Trình bày báo cáo đúng thể thức văn bản, sử dụng phần mềm UniKey font chữ Times New Roman.

- Phần thống kê số liệu thực hiện theo chương trình Excel. Đề nghị làm đúng hướng dẫn ở Biểu mẫu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở GD&ĐT (để b/c);
- Lưu VT, MN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

Bùi Thị Diễm Thu

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2015 – 2016
(Kèm theo công văn số: /GDĐT-MN ngày /10/2015 của Sở GDĐT)

Phần I. Kết quả đạt được

I. Công tác tham mưu và xây dựng văn bản chỉ đạo của địa phương để thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương về phát triển giáo dục mầm non (ghi rõ các văn bản của địa phương).

II. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua

- Thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.
- Những hoạt động nổi bật và kết quả đã đạt được của các cuộc vận động do Bộ, Sở phát động, nhấn mạnh những tấm gương tiêu biểu của CBQL, giáo viên vượt khó khăn, có sáng kiến để hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ; những vụ, việc vi phạm quy chế chuyên môn, đạo đức nhà giáo đã được giải quyết xử lý.

- Việc thực hiện các phong trào thi đua của đơn vị, những sáng kiến trong chỉ đạo và thực hiện của địa phương, xây dựng các tiêu chí ứng xử thân thiện phù hợp với thực tiễn, văn hóa của địa phương và triển khai thực hiện.

III. Quy mô phát triển GDMN và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi

- Quy mô phát triển: Số lượng trường, lớp, số trẻ đến trường (tăng, giảm); nguyên nhân tăng, giảm so với cùng kỳ năm học trước.

- Số lớp mẫu giáo 5 tuổi và số trẻ 5 tuổi đến trường (tăng, giảm so với cùng kỳ năm học trước, nguyên nhân).

- Công tác triển khai thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi của địa phương.

IV. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

1. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ

- Việc đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, công tác y tế trường học.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, theo dõi sự phát triển của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng (tăng, giảm..).

- Các biện pháp đã triển khai để làm tốt công tác nuôi dưỡng và chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho trẻ (tổ chức ăn bán trú, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tỷ lệ trẻ được ăn bán trú tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân...).

2. Công tác giáo dục

- Tình hình tăng cường các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, triển khai thực hiện Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi, tổ chức học 2 buổi/ngày (tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân).

- Điểm mạnh và những hạn chế của cơ sở trong thực hiện Chương trình GDMN và thực hiện Bộ chuẩn PTENT (nội dung, phương pháp, đầu tư cơ sở vật chất và môi

trường học tập, mở lớp tập huấn, hội thảo, tham quan học tập, tài liệu hỗ trợ chuyên môn...).

- Kết quả tổ chức triển lãm tranh của trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non, triển lãm đồ dùng đồ chơi tự làm.

- Tổng kết 3 năm thực hiện chuyên đề “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động của trẻ trong trường mầm non”. Cụ thể:

Tổng kết, đánh giá những kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và kiến nghị đề xuất về các nội dung:

- + Công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện chuyên đề tại địa phương;
- + Công tác xây dựng điểm mô hình thực hiện chuyên đề;
- + Công tác đầu tư các điều kiện thực hiện: cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi;

- + Xây dựng môi trường vui chơi - vận động, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng - đồ chơi;

- + Công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động GDPTVĐ cho trẻ, về việc thực hiện chuyên đề;

- + Công tác kiểm tra, đánh giá hỗ trợ thực hiện chuyên đề;

- + Tổ chức hội thi, hội khỏe, hội diễn, triển lãm về chuyên đề;

- + Công tác tuyên truyền về chuyên đề;

- + Công tác tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm 3 năm thực hiện chuyên đề của các cấp (sở, phòng, trường);

- + Phương hướng thực hiện tiếp theo sau tổng kết chuyên đề.

- Công tác cho trẻ làm quen với ngoại ngữ: tình hình thực hiện, kiến nghị, đề xuất.

- Công tác Tăng cường các biện pháp chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số: tình hình thực hiện, kiến nghị, đề xuất.

- Việc triển khai thực hiện Chương trình GDMN ở lớp mẫu giáo ghép: những khó khăn, hạn chế, giải pháp thực hiện, kiến nghị, đề xuất.

- Thực hiện các chính sách ưu tiên trong giáo dục đối với trẻ khuyết tật học hòa nhập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH quy định về chính sách giáo dục đối với người khuyết tật, tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục, hỗ trợ trẻ khuyết tật, huy động tối đa trẻ khuyết tật học hòa nhập và tạo điều kiện để trẻ khuyết tật được học hòa nhập có chất lượng;

- Việc thực hiện chính sách đối với trẻ mầm non.

3. Kết quả triển khai một số nội dung: giáo dục an toàn giao thông (GDATGT), giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và ứng dụng công nghệ thông tin; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu

và phòng chống thiên tai trong trường mầm non; giáo dục về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo vào Chương trình GDMN.

4. Công tác Kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

Công tác chỉ đạo và kết quả thực hiện nhằm đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng trường mầm non; phát triển số lượng và nâng cao chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu đề ra.

V. Cơ sở vật chất, thiết bị và kinh phí cho GDMN

- Công tác tham mưu quy hoạch đất để xây dựng trường, lớp của địa phương.
- Các công trình xây dựng (tính đến thời điểm báo cáo).
- Công tác quản lý mua sắm, bảo quản và sử dụng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.
- Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, số trường được công nhận mới (tính từ báo cáo tổng kết năm học trước đến thời điểm báo cáo).

VI. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL và giáo viên

- Đánh giá công tác tham mưu xây dựng và thực hiện chính sách cho GVMN. Tỷ lệ giáo viên trong biên chế nhà nước, hợp đồng lao động; lương giáo viên hợp đồng lao động; tỷ lệ giáo viên/nhóm lớp nhà trẻ, mẫu giáo, mẫu giáo 5 tuổi.

- Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên (công tác đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GVMN theo 10 mô-đun phát triển chuyên môn và các nội dung bồi dưỡng khác của địa phương).

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

VII. Công tác quản lý

- Quản lý, chỉ đạo thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục mầm non, đặc biệt về quản lý giáo dục mầm non ngoài công lập.

- Thực hiện 3 công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Công tác thanh tra, kiểm tra và cải cách thủ tục hành chính trong GDMN.

- Kết quả phối hợp của Phòng GD&ĐT với Hội Liên hiệp Phụ nữ quận, huyện xây dựng lộ trình triển khai thực hiện Đề án năm 2015 và giai đoạn 2016 – 2020 theo Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kết quả quản lý và phát huy hiệu quả các dự án.

VIII. Công tác tuyên truyền; xã hội hóa giáo dục; phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ, cộng đồng và tuyên truyền về giáo dục mầm non

- Những nội dung chính đã thực hiện, kết quả đạt được về nhận thức, hành động, sự phối hợp với các ban ngành và tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng...

- Các biện pháp sáng tạo của địa phương.

Phần II. Đánh giá chung

I. Tóm tắt kết quả nổi bật so với cùng kỳ trước

II. Khó khăn, hạn chế

1. Những vấn đề còn gặp khó khăn, vướng mắc của đơn vị.
2. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế ở từng nội dung.
3. Các giải pháp sẽ thực hiện trong thời gian tiếp theo.

III. Kiến nghị, đề xuất với Bộ GD&ĐT.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON
TỪ NĂM HỌC 2009-2010 ĐẾN NĂM HỌC 2014-2015

(Kèm theo công văn số: /GDĐT-MN ngày /10/2015 của Sở GDĐT)

Để đánh giá việc thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non được ban hành theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian qua, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện báo cáo đánh giá quá trình triển khai và kết quả đạt được như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN

1. Công tác chỉ đạo thực hiện CT GDMN của địa phương:
2. Kết quả sau 6 năm thực hiện chương trình GDMN
 - 2.1. Số lượng trường, nhóm lớp thực hiện Chương trình GDMN, số trẻ học Chương trình GDMN hằng năm (tăng/giảm).
 - 2.2. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, kỹ năng nghề nghiệp của CBQL và giáo viên:
 - Đối với trẻ;
 - Đối với giáo viên và CBQL.
 - 2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng đồ chơi; xây dựng môi trường cho trẻ vui chơi và học tập
 - 2.4. Công tác kiểm tra, hỗ trợ, bồi dưỡng chuyên môn cho CBQL, GVMN
 - 2.5. Tuyên truyền và thu hút sự tham gia của các ban ngành và phụ huynh
3. Một số khó khăn, hạn chế
 - 3.1. Về đội ngũ giáo viên
 - 3.2. Về điều kiện thực hiện chương trình
 - 3.3. Khó khăn, hạn chế khác
4. Công tác tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về chỉ đạo thực hiện Chương trình GDMN tại địa phương.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Hỗ trợ chuyên môn
2. Đề xuất về nội dung Chương trình
3. Tài liệu, điều kiện hỗ trợ thực hiện Chương trình
4. Quản lý thực hiện Chương trình
5. Thông tin, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện Chương trình

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO

(Nhiệm vụ và giải pháp)